

Số: 2313/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Dự án: Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chi;

Căn cứ các Quyết định: số 2309/QĐ-UBND ngày 31/7/2018, số 4128/QĐ-UBND ngày 18/12/2019, số 2933/QĐ-UBND ngày 16/10/2021, số 794/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh bổ sung và phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chi;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 273/TTr-STC ngày 15/8/2024 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 2665/BC-STC ngày 14/8/2024 của Sở Tài chính và Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện Quế Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Dự án: Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chi.
- Địa điểm: Xã Phú Thọ (nay là xã Quế Mỹ), huyện Quế Sơn.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT.
- Thời gian Khởi công: 02/5/2019; hoàn thành: 05/5/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

STT	Nội dung	Tổng mức được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	16.807.552.000	17.411.391.000
2	Chi phí QLDA	490.292.000	445.720.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.591.742.000	1.462.633.000
4	Chi phí khác	955.093.000	212.455.000
5	Chi phí dự phòng	547.969.000	
6	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	731.350.000	619.634.000
	Tổng cộng	21.123.998.000	20.151.833.000

2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 21.123.998.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

c) Vốn đầu tư thực hiện: 20.150.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn đã bố trí thực hiện đến hết năm 2022: 20.100.000.000 đồng.

- Kế hoạch vốn năm 2024: 50.000.000 đồng.

(Chi tiết nguồn vốn đầu tư có Phụ lục I đính kèm)

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
	Tổng cộng	-	-	20.151.833.000	-
1	Tài sản dài hạn (TSCĐ)	-	-	20.135.960.000	-
2	Tài sản ngắn hạn	-	-	15.873.000	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT:

a) Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng số	20.151.833.000	
I	Vốn đầu tư công	20.151.833.000	
1	Vốn ngân sách tỉnh	20.151.833.000	

b) Các khoản công nợ tính đến ngày 15/5/2024 là:

- Tổng nợ phải thu: 46.520.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 98.353.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

c) Khẩn trương thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền: 46.520.000 đồng trước ngày 30/10/2024 (sao gửi chứng từ nộp trả về Sở Tài chính để theo dõi); đồng thời làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn còn thiếu của dự án với số tiền: 48.353.000 đồng.

d) Bàn giao tài sản và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến tài sản được hình thành cho UBND huyện Quế Sơn theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. UBND huyện Quế Sơn: ghi tăng giá trị tài sản hình thành sau đầu tư, với số tiền: 20.151.833.000 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết tài sản theo Phụ lục III đính kèm)

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, TH, KTTH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Nam Hưng



Phụ lục I
VỐN ĐẦU TƯ

Dự án: Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chỉ

(Xem theo Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn thu hồi so với giá trị được quyết toán
	Tổng số	21.123.998.000	20.151.833.000	20.100.000.000	98.353.000	46.520.000
I	Vốn đầu tư công	21.123.998.000	20.151.833.000	20.100.000.000	98.353.000	46.520.000
1	Vốn ngân sách tỉnh	21.123.998.000	20.151.833.000	20.100.000.000	98.353.000	46.520.000

Phụ lục II
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
Dự án: Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chỉ
(Kèm theo Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: đồng

ST T	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày 15/5/2024	
					Phải trả	Phải thu
	Tổng số		20.151.833.000	20.100.000.000	98.353.000	46.520.000
1	Công ty TNHH Xây dựng 150	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh An Xuân và Trạm Bơm	1.726.592.000	1.726.592.000		
2	Công ty TNHH MTV Bảo Nam Giang	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh An Xuân và Trạm Bơm	3.837.778.000	3.841.926.000		4.148.000
3	Công ty TNHH Phú Hoàng	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh An Xuân và Trạm Bơm	2.782.186.000	2.784.436.000		2.250.000
4	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư &XD An Thịnh Phát	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh N2 và N4	2.755.806.000	2.768.584.000		12.778.000
5	Công ty Cổ phần Nguyên Tam	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh N2 và N4	2.132.596.000	2.134.121.000		1.525.000
6	Công ty TNHH TVĐT xây dựng Trung Trung Bộ	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh N6 và trạm bơm	2.393.283.000	2.408.329.000		15.046.000
7	Công ty CP tư vấn xây dựng TM&DV Lộc Phước Thịnh	Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống kênh N6 và trạm bơm	1.783.150.000	1.789.079.000		5.929.000
8	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT Quảng Nam	Quản lý dự án	445.720.000	445.720.000		

9	Công ty Cổ phần đầu tư và kiểm định xây dựng Long Việt	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	335.232.000	335.232.000		
10	Công ty CP tư vấn xây dựng Bắc Quảng Nam		148.011.000	148.011.000		
11	Công ty TNHH tư vấn thủy lợi Quảng Nam Đà Nẵng	Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	373.605.000	365.043.000	8.562.000	
12	Công ty CP đầu tư và kiểm định xây dựng Long Việt		118.393.000	118.393.000		
13	Công ty TNHH Thái Vinh Gia	Thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán	55.485.000	55.485.000		
14	Công ty Cổ phần Phú Khang	Lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu thi công xây dựng	56.329.000	56.329.000		
15	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT Quảng Nam	Giám sát thi công xây dựng	375.578.000	380.422.000		4.844.000
16	Công ty TNHH MTV Hữu nghị Nam Lào	Rà phá bom mìn, vật nổ	124.425.000	124.425.000		
17	Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh Miền Trung	Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	52.374.000		52.374.000	
18	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	35.656.000		35.656.000	
19	UBND huyện Quế Sơn	Đền bù, GPMB	619.634.000	617.873.000	1.761.000	

Phụ lục III
TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ

Dự án: Kiên cố hệ thống kênh nhánh trạm bơm Phước Chỉ

(Kèm theo Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên và ký hiệu TSCĐ; quy mô, công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				20.135.960.000
I	Chi phí xây dựng				
1	Kênh N2: - Diện tích tưới 30,00ha - Lưu lượng thiết kế đầu kênh 0,067m ³ /s - Tổng chiều dài 2,911km - Kênh BT mác 200 đá 1x2; M/c kênh (50x50)cm; tường và đáy kênh dày 10cm; không bố trí thép	Toàn bộ	1	2.468.253.000	2.468.253.000
2	Kênh N4: - Diện tích tưới 35,00ha - Lưu lượng thiết kế đầu kênh 0,101m ³ /s - Tổng chiều dài 2,919km - Kênh BT mác 200 đá 1x2; M/c kênh (60x60)cm; tường và đáy kênh dày 10cm; không bố trí thép	Toàn bộ	1	3.189.552.000	3.189.552.000
3	Kênh N6: - Diện tích tưới 45,00ha - Lưu lượng thiết kế đầu kênh 0,144m ³ /s - Tổng chiều dài 2,885km - Kênh BT mác 200 đá 1x2, tường và đáy kênh dày 10cm, gồm: + Kênh N6: 2,343km; M/c kênh (65x70)cm; bố trí thép D8 1/3 H kênh; 0,127km M/c kênh (40x50)cm không bố trí thép; + Kênh N6-1: 0,275km M/c kênh (40x50)cm; không bố trí thép	Toàn bộ	1	4.667.918.000	4.667.918.000

4	<p>Kênh An Xuân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tưới 100,00ha - Lưu lượng thiết kế đầu kênh 0,306m³/s - Tổng chiều dài 3,927km - Kênh BT mác 200 đá 1x2, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kênh dẫn 02 (dẫn nước từ kênh chính Phước Chi về TB An Xuân: L=0,243km; M/c kênh (100x100)cm, tường và đáy kênh dày 12cm; bố trí theo 100% H kênh. + Kênh chính: L=0,386km. M/c kênh (90x100)cm, tường và đáy kênh dày 12cm; bố trí theo 100% H kênh. + Kênh N1: L=0,821km. M/c kênh (70x70)cm, tường và đáy kênh dày 10cm; bố trí theo 1/3 H kênh. + Kênh N1-1: L=0,707km. M/c kênh (40x50)cm, tường và đáy kênh dày 10cm; không bố trí thép. + Kênh N1-3: L=0,665km. M/c kênh (40x50)cm, tường và đáy kênh dày 10cm; không bố trí thép. - Kênh dân 01 (dẫn nước từ Suối Đụn bổ sung nước kênh chính Phước Chi): <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài 1,132km; kênh BT mác 200 đá 1x2; M/c kênh (70x80)cm; tường và đáy kênh 12cm; bố trí theo 1/3 H kênh. 	Toàn bộ	1	9.385.357.000	9.385.357.000
II	Chi phí thiết bị				
1	Kênh N6: Công suất trạm bơm 02 HL600-5 máy (trong đó 01 dự phòng)				
1.1	Cung cấp, lắp đặt máy bơm HL 600-5	Cái	2	52.580.000	105.160.000
1.2	Cung cấp, lắp đặt máy bơm chân không BCK 29-510	Cái	1	34.920.000	34.920.000
1.3	Sản xuất lắp đặt tủ điện điều khiển động cơ + thiết bị, phụ kiện	Cái	1	17.610.000	17.610.000
2	Kênh An Xuân: Công suất trạm bơm 03 HL700-7 máy (trong đó 01 dự phòng)				
2.1	Cung cấp lắp đặt Máy bơm HL 700-7	Cái	3	75.220.000	225.660.000
2.2	Cung cấp lắp đặt Máy bơm chân không BCK29-510	Cái	1	15.330.000	15.330.000
2.3	Sản xuất, lắp đặt tủ điện điều khiển & bảo vệ động cơ + thiết bị, phụ kiện	Cái	1	26.200.000	26.200.000
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN				15.873.000
1	Kênh N6				
1.1	Cung cấp, lắp đặt Ổn áp 5 KVA; 90-220V	Cái	1	3.321.000	3.321.000
1.2	Cung cấp, lắp đặt Pa lăng xích 3 tấn + phụ kiện	Bộ	1	4.849.000	4.849.000
2	Kênh An Xuân:				
2.1	Cung cấp lắp đặt Ổn áp 5 KVA; 90-220V	Cái	1	3.546.000	3.546.000
2.2	Cung cấp lắp đặt Palăng xích 3 Tấn + phụ kiện	Bộ	1	4.157.000	4.157.000
	Tổng cộng (A+B)				20.151.833.000